

UNIT 6: WHY ARE RESTAURANTS SPECIAL?

Lesson 21: Project

I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh thực hành đưa ra phản hồi tích cực.
- Học sinh suy ngẫm về những gì trẻ đã học được.

II. Key vocabulary:



Waiter
(Phục vụ)



Menu
(Thực đơn)



Drink
(Đồ uống)



Dessert
(Đồ tráng miệng)





Main dish
(Món chính)



Side dish
(Món ăn kèm)



Soda
(Nước có ga)



Steak
(Bít tết)



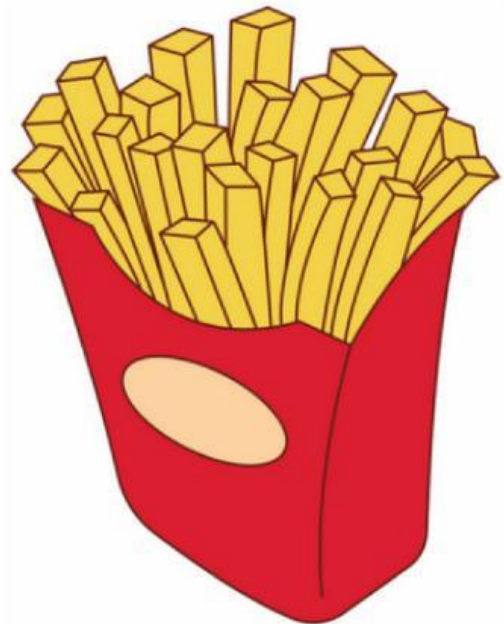
Beans
(Đậu)



Lemonade
(Nước chanh)



Rice
(Cơm)



French fries
(Khoai tây chiên)





Vegetables
(Rau củ)



Cheeseburger
(Bánh mì kẹp
thịt phô mai)



Chocolate cate
(Bánh sô cô la)



Ice cream
(Kem)





Pizza
(Bánh pizza)



Spaghetti
(Mì ý)

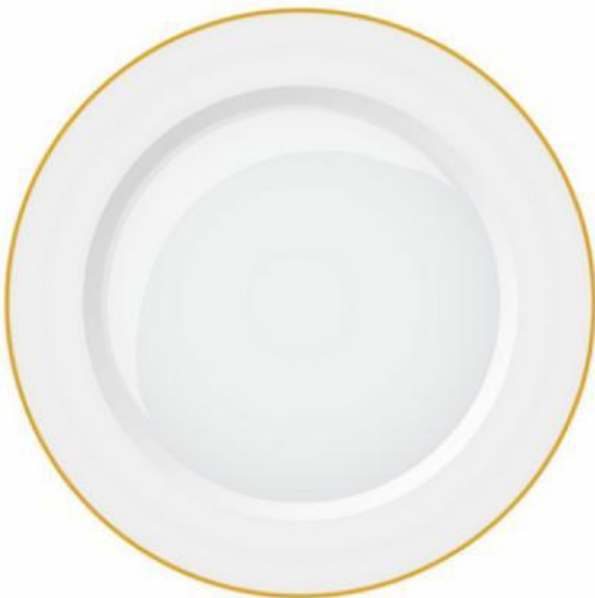


Plate
(Cái đĩa)

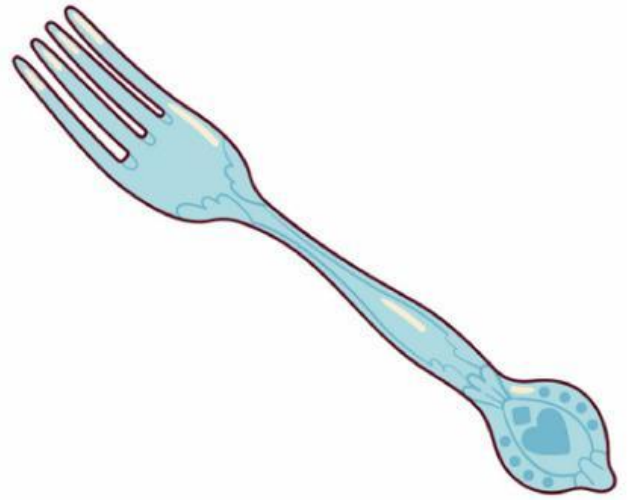


Bowl
(Cái bát)

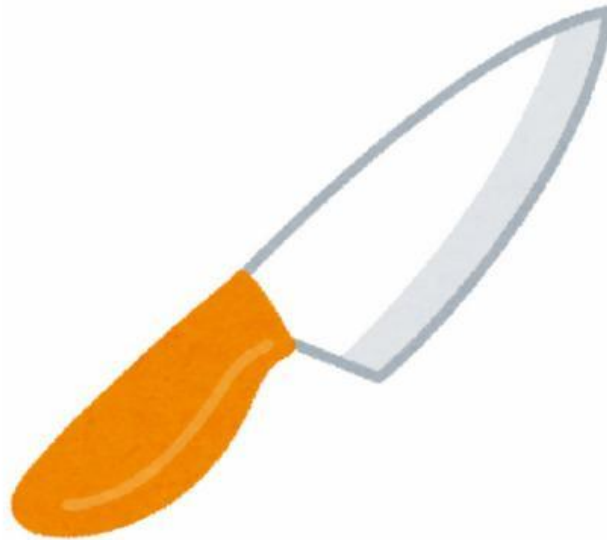




Spoon
(Cái muỗng)



Fork
(Cái nĩa)



Knife
(Con dao)



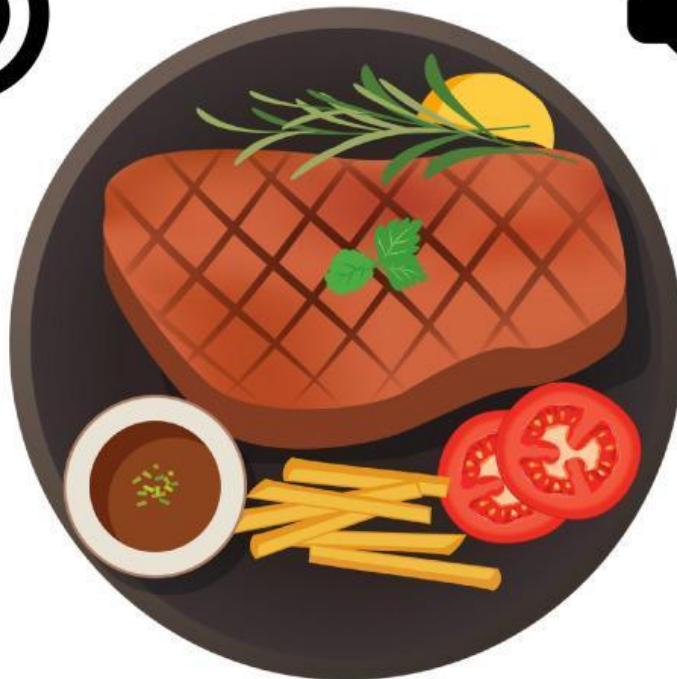
III. Key language:



**Do you like (beans)?
Yes, I do. No, I don't.**



**I like (beans). I don't
like (soda).**



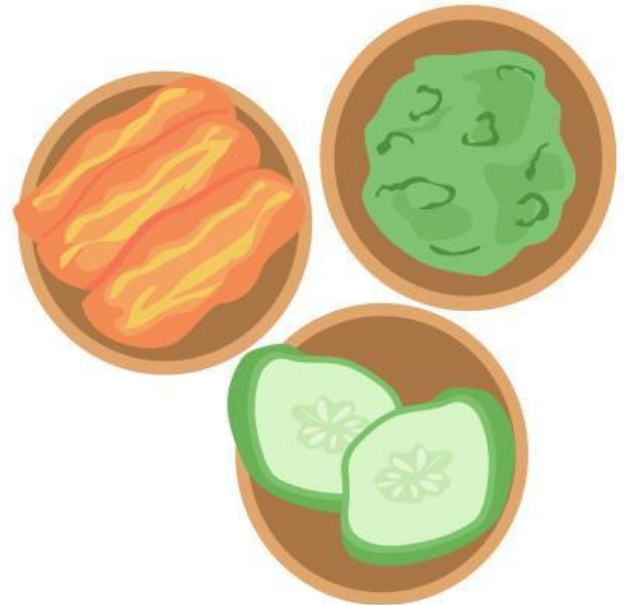
She likes (steak). She doesn't like (rice).



III. Key language:



We need a (fork) and a (plate) to eat (spaghetti).



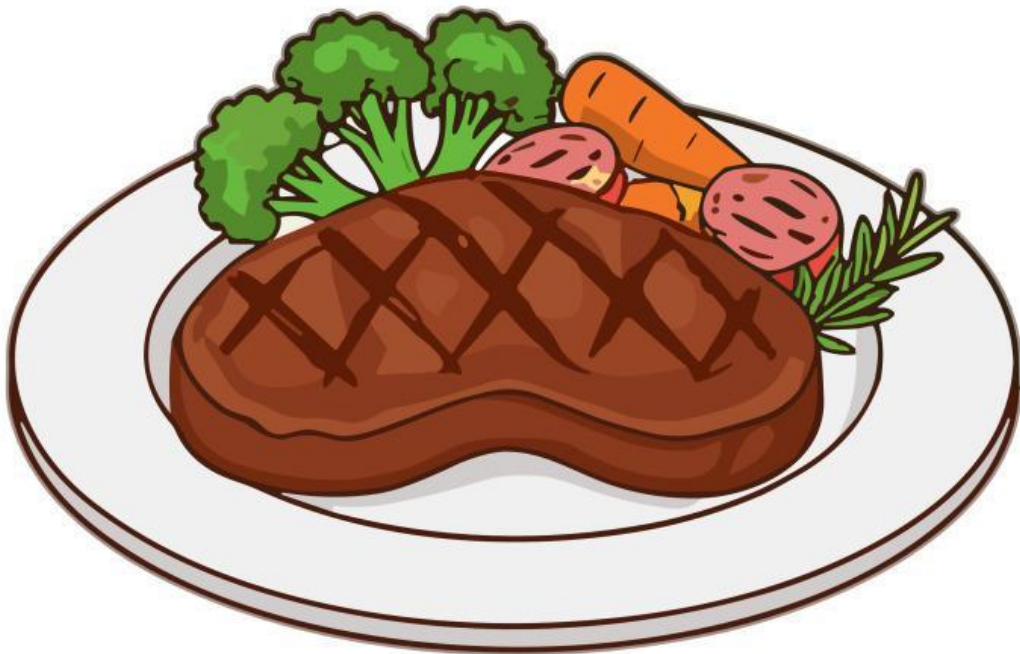
What would you like for (a side dish)?



(She) has (ice cream) for (dessert).



III. Key language:



**Would you like (steak) for (a main dish)?
Yes, please. No, thank you.**

